MSE EDUCATION
https://morningstarsedu.edu.vn

ÔN TẬP CHƯƠNG 1 – ĐẠI SỐ 10 – LẦN 1

Thời gian làm bài: 20 phút (không kể thời gian phát đề)
Đề kiểm tra gồm 20 câu trắc nghiệm

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Cho $A=(-\infty;1];B=[1;5]$. Tập hợp $A\cup B$ là

A. $(-\infty;5]$ **B.** $[-1;5]$ **C.** $(-\infty;-1]\cup[1;5]$ **D.** $\varnothing$

Câu 2: Kết quả $\overline{a}=2,764513\pm0,001$ là:

A. $\overline{a}=2,7645$ **B.** $\overline{a}=2,765$ **C.** $\overline{a}=2,764$ **D.** $\overline{a}=2,76$

Câu 3: Cho tập A = {x ∈ N| x là ước của 12}, B = {x ∈ N| (x+1)(x-2)(x-4) = 0}. Tập X nào thỏa B ∪ X = A là:

A. {1; 2; 3; 4; 6} **B.** {0; 1; 3; 6; 12} **C.** {1; 2; 3; 6; 12} **D.** {1; 3; 6; 12}

Câu 4: Cho $A=(-2;2];B=(-\infty;0)$. Tập hợp $A\setminus B$ là

A. $(-2;0)$ **B.** $[2;+\infty)$ **C.** $[0;2]$ **D.** $\varnothing$

Câu 5: Cho A = [-3; + ∞), B =(-2; 1]. Phần bù của B trong A là:

A. (-2; 1] **B.** (-∞; -2]∪(1; +∞) **C.** ∅ **D.** [-3; -2]∪(1; +∞)

Câu 6: Cho Tập A = {0; 2; 4; 6; 8} và tập B = {x∈Z| x – 3 < 4 – x và x ≤ 3x + 2}. Tập hợp $A\cup B$ là:

A. {0; 2} **B.** {0; 2; 4; 6; 8; 1; 3} **C.** {4; 6; 8} **D.** {-1; 0; 1; 2; 3; 4; 6; 8}

Câu 7: Cho tập A = (-3; 2] và tập B = (m – 3; m). Các giá trị m để A ∩ B = ∅ là:

A. $\left[\begin{array}{l} m\ge -3 \\ m<2 \end{array}\right.$ **B.** $\left[\begin{array}{l} m\le -3 \\ m\ge 5 \end{array}\right.$ **C.** $\left[\begin{array}{l} m< -3 \\ m\ge 2 \end{array}\right.$ **D.** $\begin{cases} m\le -3 \\ m>2 \end{cases}$

Câu 8: Trong các câu sau, câu nào là mệnh đề?

A. Đói bụng quá! **B.** Cá sống dưới nước **C.** Bạn ăn cơm chưa? **D.** Lan học lớp mấy?

Câu 9: Cách phát biểu nào sau đây không dùng để phát biểu mệnh đề: A => B

A. A là điều kiện đủ để có B **B.** A là điều kiện cần để có B

C. A kéo theo B **D.** Nếu A thì B

Câu 10: Cho A = {1; 2; 3; 4; 5} và B = {0; 2; 4; 6; 8; 10}, tập A ∩ B là

A. {0; 2; 4} **B.** {1; 3; 5} **C.** {2; 4} **D.** {0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 8; 10}

Câu 11: Cho A={0; 1; 2; 3; 4}; B={2;3;4;5;6}. Tập hợp A\B bằng:

A. {0;1} **B.** {0} **C.** {1;2}. **D.** {1;5}.

Câu 12: Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào là mệnh đề chứa biến?

A. 1 + 1 = 2 **B.** Cá sống dưới nước

C. x + 2 > 1 **D.** Phan-Xi-Păng là ngọn núi cao nhất Việt Nam

Câu 13: Cho mệnh đề A: "3 là số nguyên tố". Phủ định của mệnh đề A là:

A. 3 không phải là số nguyên tố **B.** 3 chia hết cho 1 và chính nó

LIVEWORKSHEETS

C. 3 là số lẻ **D.** Số nguyên tố là 3

Câu 14: Cho tập A = {0; 1; 2; 3; 4; 5; 6}, tập A gồm bao nhiêu phần tử?

A. 6 **B.** 7 **C.** 5 **D.** 2^7

Câu 15: Mệnh đề đảo của mệnh đề : "Nếu a = b thì $a^2 = b^2$" là:

A. Nếu $a^2 = b^2$ thì a = b **B.** Nếu $a \neq b$ thì $a^2 = b^2$ **C.** Nếu a = b thì $a^2 = b^2$ **D.** Nếu $a^2 = b^2$ thì $a \neq b$

Câu 16: Cho tập A = {0; 1; 2; 3; 4} và tập B = $\{x \in Z / (x-1)(x+2)(x^2+4x) = 0$. Tập $A \cap B$ là:

A. {0; 1} **B.** {0; 1; 2; 3; 4} **C.** {2; 3; 4} **D.** {-2; -4}

Câu 17: Cho hai tập hợp $A = \{2,4,6,9\}$ và $B = \{1,2,3,4\}$.Tập hợp A ∪ B bằng tập nào sau đây?

A. ∅ **B.** {1;2;3;4;6;9} **C.** {6;9} **D.** $A = \{1,2,3,5\}$

Câu 18: Quy tròn số 342578 đến hàng trăm là

A. 342000 **B.** 342600 **C.** 343000 **D.** 343

Câu 19: Cho $A = (1;+\infty); B = [-2;6]$. Tập hợp $A \cap B$ là

A. $[-2;+\infty)$ **B.** $(1;+\infty)$ **C.** $[-2;6]$ **D.** $(1;6]$

Câu 20: Cho tập A = {0; 1; 2 }, A có bao nhiêu tập con

A. 3 tập con **B.** 6 tập con **C.** 8 tập con **D.** 9 tập con

II. TỰ LUẬN *(Phần này các em làm trên giấy và chụp bài làm gửi vào nhóm lớp nhé!)*

Bài 1: Cho hai tập hợp $A = \{x \in R \mid x > 2\}$ và $B = \{x \in R \mid -1 < x \leq 5\}$.

Dùng kí hiệu "khoảng", "đoạn", "nửa khoảng" để viết lại tập A và B.

Bài 2: Cho tập A = {x ∈ Z| -2 < x < 2} và tập B = {0; 1; 2; 3; 4; 5}

a. Xác định tập A. Liệt kê tập con của A

b. Xác định A ∩ B, A ∪ B

Bài 3: Cho hai tập hợp A = {x ∈ R| |x – 3| ≤ 2} và tập B = (-2; 2] ∪ [4; +∞).

a. Xác định tập A

b. Xác định tập A ∩ B, A ∪ B

LIVEWORKSHEETS

PHIẾU ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM
MÔN TOÁN 10

I - ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM
Mã đề: 132

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	■										■		■		■	■				
B							■	■	■					■			■			
C				■						■		■						■		■
D		■	■		■	■													■	

II - ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 **(1 điểm)**	A = $(2 ; +\infty)$ B = $(-1 ; 5]$	**0.5** **0.5**
Câu 2 **(2 điểm)**	a/. A = {-1 ; 0 ; 1} Tập con của A gồm: ∅, A, {-1}, {0}, {1}, {-1 ; 0}, {-1 ; 1}, {0 ; 1}	**0.5** **0.5**
	b/. $A \cap B$ = {0 ; 1} $A \cup B$ = {-1 ; 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4}	**0.5** **0.5**
Câu 3 **(2 điểm)**	a/. Ta có: $\lvert x-3\rvert \le 2$ $\Leftrightarrow -2 \le x-3 \le 2$ $\Leftrightarrow 1 \le x \le 5, \quad x \in R$ Vậy A = [1 ; 5]	**0.5** **0.5**
	b/. $A \cap B$ = [1 ; 2] ∪ [4 ; 5] $A \cup B$ = $(-2 ; +\infty)$	**0.5** **0.5**

LIVEWORKSHEETS